

NGHỊ QUYẾT

**V/v Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 391/TTr-UBND, ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định: “Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Quy định hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Các hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

1.2. Các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa lớn, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc các lĩnh vực: Nước sạch vệ sinh môi trường; giao thông; trường học (trường THCS công lập, tiểu học công lập, mầm non công lập); trụ sở cấp xã; nhà văn hoá ; trạm y tế; kiên cố hoá kênh mương; chợ nông thôn; trụ sở HTX, nhà kho, sân phơi HTX nông nghiệp, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Các cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, có tham gia các hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

2.2. UBND các xã, phường, thị trấn có các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2.3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn.

3. Nguyên tắc áp dụng:

3.1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo các mức hỗ trợ tại quyết định này phần còn lại sử dụng từ ngân sách huyện, xã và nguồn khác;

3.2. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất;

3.3. Đối với máy móc thiết bị được hỗ trợ phải là máy mới và được sản xuất, hoặc lắp ráp tại Việt Nam, các dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật chỉ được hỗ trợ một lần;

3.4. Liên sở: Tài chính - Nông nghiệp thông báo giá các loại giống, vật liệu, thiết bị, vật tư để làm căn cứ hỗ trợ hàng năm.

4. Hỗ trợ sản xuất trồng trọt:

4.1. Hỗ trợ sản xuất giống:

Hỗ trợ 50% giá giống đối với giống lúa siêu nguyên chủng để sản xuất giống lúa nguyên chủng hoặc đối với giống rau, màu để sản xuất giống rau màu các loại.

4.2. Hỗ trợ xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung:

- Hỗ trợ 5 triệu đồng/ha đất canh tác/năm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất cây trồng hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao;

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha đất canh tác/năm trong 3 năm đầu cho tổ chức, cá nhân sản xuất từ 3ha chuyên canh rau trở lên được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương;

- Hỗ trợ 50% giá giống cho các vùng sản xuất lúa năng suất cao, chất lượng cao tập trung có quy mô từ 5 ha trở lên và giống cây ăn quả chất lượng cao có quy mô từ 0,5 ha trở lên;

- Hỗ trợ công chi đạo, nghiệm thu chi trả hỗ trợ sản xuất lúa, rau màu cho Ban quản lý HTX dịch vụ nông nghiệp với mức bằng 50 nghìn đồng/ha/vụ.

5. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi:

5.1. Hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại tập trung:

Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô nuôi thường xuyên từ 500 con lợn nái hoặc từ 1.000 con lợn thịt hoặc từ 500 con trâu, bò (thịt, sữa, sinh sản) hoặc từ 10.000 con gà, vịt, ngan trở lên, nằm trong vùng quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án, riêng đối với chăn nuôi bò sữa cao sản mức hỗ trợ là 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị;

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại ý thứ nhất của điểm này, được hỗ trợ 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên;

- Ngoài hỗ trợ theo hai ý nêu trên của điểm này, nếu dự án nhập giống gốc cao sản vật nuôi (danh mục giống gốc cao sản vật nuôi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định) được hỗ trợ chi phí nhập giống gốc, mức hỗ trợ theo quy định tại mục 14, Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5.2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung:

Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp có công suất giết mổ một ngày đêm đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 gia súc và 2.000 con gia cầm, nằm trong vùng quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị;

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ theo quy định của điểm a khoản này, còn được hỗ trợ 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên;

- Đối với các cơ sở giết mổ tập trung xây dựng điểm. Ngoài mức hỗ trợ theo hai ý nêu trên của điểm này còn được ngân sách hỗ trợ 100% kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng theo đơn giá do nhà nước quy định;

- Tổ chức, cá nhân hành nghề giết mổ gia súc, gia cầm trong các cơ sở giết mổ tập trung, được hỗ trợ 100% kinh phí thuê mặt bằng và lệ phí kiểm dịch trong năm đầu và 50% cho 1 năm tiếp theo;

5.3. Hỗ trợ phòng bệnh gia súc, gia cầm:

Hỗ trợ 100% kinh phí mua vắc xin, vật tư, công tiêm phòng 2 lần/năm các bệnh: bệnh lở mồm long móng cho lợn nái, lợn đực giống, trâu, bò, dê; bệnh tai xanh cho lợn nái, lợn đực giống; bệnh dịch tả cho đàn lợn; bệnh dại cho đàn chó, mèo; bệnh cúm gia cầm cho đàn gà, vịt, ngan, chim cút.

5.4. Hỗ trợ chăn nuôi an toàn thực phẩm:

Hỗ trợ lần đầu 100% kinh phí chứng nhận cho các cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương nằm trong vùng quy hoạch của địa phương (bao gồm kinh phí tư vấn, thẩm tra, đánh giá, lấy mẫu phân tích, tập huấn, cấp chứng nhận...), nhưng không quá 80 triệu đồng/trang trại.

5.5. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ:

- Hỗ trợ mua gà, vịt giống bố mẹ:

Hộ chăn nuôi gà, vịt giống bố mẹ gắn với ấp nở cung cấp con giống, có nhu cầu mua giống, được hỗ trợ một lần 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị (trên 8 tuần tuổi). Mức hỗ trợ bình quân không quá 50 nghìn đồng/con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

- Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi và nước thải chăn nuôi:

Hỗ trợ một lần 50% giá trị công trình khí sinh học (bể Biogas) hoặc đệm lót sinh học, nhưng không quá 5 triệu đồng/hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm.

5.6. Hỗ trợ nuôi giữ đàn gà Hồ giống gốc:

Hỗ trợ hàng năm cho cơ sở nuôi giữ gà Hồ giống gốc với mức 500 nghìn đồng/con/năm để sản xuất giống gà bố mẹ cung cấp cho người chăn nuôi. Số lượng gà Hồ giống gốc nuôi giữ hàng năm không quá 1000 con.

6. Hỗ trợ phát triển thủy sản:

Hỗ trợ lần đầu 100% kinh phí chứng nhận cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương nằm trong vùng quy hoạch của địa phương (bao gồm kinh phí tư vấn, thẩm tra, đánh giá, lấy mẫu phân tích, tập huấn, cấp chứng nhận...), nhưng không quá 80 triệu đồng/cơ sở.

7. Hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản thực phẩm:

7.1. Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong 3 năm đầu cho các tổ chức, cá nhân mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, nếu cam kết phục vụ trên địa bàn tỉnh ít nhất 3 năm (giao UBND xã theo dõi giám sát các máy được hỗ trợ);

7.2. Hỗ trợ 80% kinh phí mua thiết bị lạnh và giá đề hàng chuyên dùng cho siêu thị bán nông sản thực phẩm điểm (siêu thị cụ thể do UBND tỉnh quyết định) với mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/siêu thị/huyện.

8. Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn và ứng dụng khoa học công nghệ:

8.1. Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, tập huấn:

Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật, kiến thức quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, phổ biến văn bản pháp luật cho tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông sản thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

8.2. Hỗ trợ sản xuất ứng dụng công nghệ cao:

Hỗ trợ 50% vật tư, thiết bị của dự án nhưng không quá 5 tỷ đồng/ dự án cho tổ chức, cá nhân có dự án ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

8.3. Hỗ trợ xây dựng mô hình:

Hỗ trợ 70% kinh phí mua giống, vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu để xây dựng mô hình sản xuất, trình diễn tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp.

9. Chính sách ưu đãi khuyến khích sản xuất, tiêu thụ nông sản, thực phẩm:

9.1. Ưu đãi khuyến khích tiêu thụ nông sản:

Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng tiêu thụ nông sản, thực phẩm cho các tổ hợp tác, HTX nông nghiệp, các hộ nông dân theo phương thức ứng trước vốn nếu thực hiện đúng hợp đồng và đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình kinh doanh tiêu thụ sản phẩm được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay ngân hàng cho

toàn bộ số tiền vay ứng trước theo hợp đồng (lãi suất vốn vay được tính bằng mức lãi suất chung do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm vay vốn).

9.2. Khuyến khích tích tụ ruộng đất:

- Các tổ chức, cá nhân thuê ruộng để thực hiện sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung có quy mô từ 3ha trở lên (đối với vùng chăn nuôi, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây dược liệu và sản xuất rau), 10 ha trở lên (đối với vùng sản xuất lúa) được hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/năm trong 5 năm đầu.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tích tụ ruộng đất để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở chế biến và tiêu thụ nông, lâm sản, thủy sản tập trung thông qua các hình thức: chuyển nhượng, thuê đất, thuê mặt nước, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo hướng lâu dài từ 20 năm trở lên nhưng không quá 50 năm.

9.3. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm:

UBND các huyện, thị xã, thành phố, hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng thương hiệu sản phẩm trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng thương hiệu.

10. Hỗ trợ cộng tác viên kiểm lâm cụ thể như sau:

Hỗ trợ cho lực lượng cộng tác viên kiểm lâm ở các thôn, xã, phường có rừng để thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, với mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,3 hệ số lương cơ bản, lực lượng cộng tác viên không quá 28 người.

11. Hỗ trợ đầu tư xây dựng dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Hỗ trợ đầu tư xây dựng dự án nước sạch:

- Đối với các dự án nhà nước trực tiếp đầu tư:

Ngân sách nhà nước đầu tư 100% tổng dự toán được phê duyệt, bao gồm: Khu đầu mối và hệ thống đường ống cấp nước (hệ thống đường ống chính và đường ống nhánh). Nhân dân đóng góp để đầu nối với hệ thống đường ống nhánh, bao gồm: Đồng hồ đo nước, đường ống dẫn nước từ đồng hồ vào đến hộ gia đình.

- Đối với các dự án do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư:

+ Dự án do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư 40% tổng dự toán được phê duyệt: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% tổng dự toán được phê duyệt và được hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (40% tổng dự toán được phê duyệt), trong thời gian 5 năm, kể từ ngày khởi công công trình;

+ Dự án do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư 100% tổng dự toán được phê duyệt để đầu tư xây dựng khu đầu mối và hệ thống đường ống (hệ thống đường ống chính và đường ống nhánh): Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% lãi suất vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư trong thời gian 10 năm, kể từ ngày khởi công công trình.

- Đối với các dự án nối mạng cấp nước sạch từ công trình cấp nước của khu công nghiệp hoặc đô thị đến các xã, nhà nước hỗ trợ 100% tổng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho chủ đầu tư để lắp đặt đường ống chính và đường ống nhánh:

+ Điều kiện áp dụng: Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có phương án tổ chức kinh doanh, dịch vụ, chuyển giao công nghệ, có năng lực quản lý, khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Quy mô công trình: Thực hiện chủ yếu theo cụm xã, gồm: Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và nối mạng các xã, thị trấn gần khu công nghiệp hoặc đô thị;

+ Quản lý, vận hành trước, sau đầu tư và các nội dung khác, thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước, thời gian khai thác, sử dụng tối thiểu 30 năm.

12. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông:

12.1. Hỗ trợ xây dựng đường trục xã không quá 3 tỷ đồng/km (tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp A theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải);

12.2. Hỗ trợ đường trục thôn không quá 2 tỷ đồng/km (tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp B theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải);

12.3. Hỗ trợ để mua vật liệu làm đường ngõ, xóm, không quá 1 tỷ đồng/km;

12.4. Hỗ trợ để mua vật liệu làm đường trục chính nội đồng không quá 750 triệu đồng/km (tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp D theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải).

13. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kênh mương:

- Dự án đầu tư kiên cố hóa kênh mương có nguồn nước từ trạm bơm cục bộ đến khu sản xuất được hỗ trợ kinh phí mua vật liệu nhưng không quá 500 triệu đồng/km (dự án phải được cấp thẩm quyền lựa chọn phê duyệt).

14. Hỗ trợ xây dựng mới, cải tạo nâng cấp trụ sở UBND cấp xã và nhà văn hoá cấp thôn: Được hỗ trợ 100% giá trị dự toán được duyệt (theo thiết kế mẫu do Sở Xây dựng công bố).

15. Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp trường học:

15.1. Hỗ trợ xây dựng mới trường học (bao gồm nhà hiệu bộ và phòng học) bằng 5,2 triệu đồng/m² xây dựng (không quá 370.000.000 đồng/phòng học đối với phòng 72 m² và 598 triệu đồng/phòng học đối với phòng 115 m²);

15.2. Hỗ trợ nâng cấp, cải tạo trường học không quá 3,2 triệu đồng/m² (bao gồm nhà hiệu bộ và phòng học);

15.3. Các công trình phụ trợ khác hỗ trợ bằng 50% giá trị dự toán được phê duyệt.

16. Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp trạm y tế:

16.1. Các dự án đầu tư xây dựng mới có phòng chức năng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 7 triệu đồng/m² nhưng không quá 4,4 tỷ đồng/trạm;

16.2. Các dự án cải tạo, sửa chữa phòng chức năng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 3,2 triệu đồng/m² và không quá 124 triệu đồng/phòng;

16.3. Các công trình cải tạo sửa chữa có xây bổ sung phòng chức năng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 4,9 triệu đồng/m² và không quá 190 triệu đồng/phòng.

17. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ nông thôn:

Hỗ trợ 80% dự toán được phê duyệt để xây dựng mới chợ nông thôn nhưng không quá 1 tỷ đồng/chợ, nâng cấp cải tạo chợ nông thôn không quá 500 triệu đồng/chợ.

18. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hợp tác xã nông nghiệp:

Hỗ trợ HTX nông nghiệp xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cửa hàng vật tư nông nghiệp, xưởng sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản với mức hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng/HTX.

19. Chính sách ưu tiên các xã khó khăn:

Đối với hỗ trợ hạ tầng nông thôn các xã khó khăn được hỗ trợ bằng 100% giá trị quyết toán được phê duyệt theo thiết kế mẫu đối với các danh mục hạ tầng đã quy định trong quyết định này.

Điều 2: Giao UBND tỉnh hướng dẫn, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh.

Điều 3: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết số 128/2014/NQ-HĐND17 và Nghị quyết số 175/2015/NQ-HĐND17 về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn giai đoạn 2014-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Bộ Tư pháp, Bộ NN-PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang